



FLCSECURITIES

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

MỤC LỤC

I – LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	3
1.1 – Thông tin chung.....	4
1.2 – Những sự kiện quan trọng.....	4
1.3 – Định hướng phát triển.....	5
II – BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
2.1 – Kinh tế vĩ mô và hoạt động kinh doanh năm 2011.....	7
2.2 – Kết quả hoạt động kinh doanh.....	8
III – BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	11
3.1 – Báo cáo tình hình tài chính.....	12
3.2 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	14
3.3 – Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	15
3.4 – Kế hoạch phát triển năm 2012.....	15
IV – BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	17
V – TỔ CHỨC NHÂN SỰ	43
VI – THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	49
4.1 – Các dữ liệu về thành viên góp vốn.....	50
4.2 – Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	51
4.3 – Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	52
4.4 – Thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	52



FLCSECURITIES

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1 – Thông tin chung

2 – Những sự kiện quan trọng

3 – Định hướng phát triển



1.1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (tiền thân có tên gọi là Công ty CP Chứng khoán ARTEX) được thành lập theo Giấy phép số 85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/03/2008.

Tên công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC**

Tên tiếng Anh **FLC Securities Joint Stock Company**

Tên giao dịch viết tắt **FLCS**

Logo



Vốn điều lệ **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

Trụ sở Công ty Tầng 5 - Tòa nhà FLC Landmark Tower - Đường Lê Đức Thọ - Mỹ Đình, Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39.368.368 Fax: (84-4) 39.368.367

Email: info@flcsc.com.vn Website: www.flcsc.com.vn

Ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán
Tư vấn đầu tư chứng khoán
Tự doanh chứng khoán

Tình hình hoạt động:

Năm 2011, trong tình hình nền kinh tế thế giới và khu vực đầy bất ổn, thị trường chứng khoán khó khăn, công ty có kết quả kinh doanh khiêm tốn và chỉ đạt ở mức có lợi nhuận.

1.2. Những sự kiện quan trọng

Năm 2011 đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC.

01/07/2011 Ông Dương Quang Trung được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán FLC thay Ông Trần Quang Huy.

08/08/2011 **Đổi tên Công ty CP Chứng khoán ARTEX thành Công ty CP Chứng khoán FLC.**

16/11/2011 Ông Phạm Đức Thắng được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán FLC thay Ông Dương Quang Trung.

27/12/2011	Ông Doãn Văn Phương được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán FLC.
30/12/2011	Ông Doãn Văn Phương- Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay Ông Trịnh Văn Quyết.
20/01/2012	FLCS chuyển trụ sở chính từ Tầng 2, Tháp CEO, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm - Hà Nội đến Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

1.3. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của FLCS là trở thành một trong mười Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam. Với mục tiêu là điểm tựa vững chắc để khách hàng gặt hái thành công, FLCS cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính sáng tạo nhằm huy động vốn, kết nối đầu tư và mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng. Dựa trên nguyên tắc phát triển *An toàn – Linh hoạt – Hiệu quả*, định hướng chiến lược phát triển của chúng tôi bao gồm:

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt với hệ thống của HNX và HSX, chú trọng nâng cấp hệ thống giao dịch từ xa Home-Trading và Web-Trading;
- Nâng cao chất lượng hoạt động tự doanh đồng thời từng bước chuyên nghiệp hóa hoạt động tự doanh;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các Tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước;
- Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp FLCS trẻ, nhiệt huyết và thân thiện.
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu FLCS chuyên nghiệp; Tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy;



FLCSECURITIES

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*1 – Kinh tế vĩ mô và hoạt động kinh doanh
năm 2011*

2 – Kết quả hoạt động kinh doanh



2.1. Kinh tế vĩ mô và hoạt động kinh doanh năm 2011

Trong năm 2011, tình hình kinh tế thế giới còn nhiều rủi ro với tâm điểm là cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực EU. Nợ tại nhóm 5 quốc gia PIIGS (gồm Bồ Đào Nha, Italia, Ailen, Hy Lạp và Tây Ban Nha) đang đe dọa cả hệ thống tài chính Châu Âu đồng thời tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế Mỹ tuy đã dần phục hồi nhưng rất chậm chạp, một số nền kinh tế lớn khác như Trung Quốc và Nhật Bản lại đang cho thấy dấu hiệu thụt lùi.

Trong khi đó, nền kinh tế trong nước năm 2011 tiếp tục chịu ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt từ năm 2010 và Nghị quyết 11/CP. Yếu tố vĩ mô mà điển hình là lạm phát cao, thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại lớn ảnh hưởng nhiều tới các quyết sách của Chính phủ. Các chính sách tiền tệ luôn phải chạy theo thị trường mà mất đi tính chủ động của nó. Những điều này đã tác động rất lớn tới thị trường tiền tệ như: tỷ giá buộc phải tăng thêm 9.3% vào tháng 2/2011, cuộc chạy đua lãi suất giữa các ngân hàng, giá than điện, xăng dầu ... đều đồng loạt tăng giá. Hệ thống ngân hàng bắt đầu gặp những trở ngại khi thanh khoản khó khăn, nợ xấu của ngân hàng bắt đầu lộ diện.

Trong năm 2011, chúng ta cũng chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, hàng loạt các Doanh nghiệp đóng cửa hoặc hoạt động cầm chừng do chí phí vốn quá cao hoặc không thể tiếp cận. Nhiều vụ tín dụng đen bị đổ bể, thị trường bất động sản đóng băng khiến hàng loạt vụ đổ vỡ tín dụng nổ ra nhiều nơi.

Nghị quyết 11 được ban hành đầu năm 2011 của Chính Phủ với hàng loạt các giải pháp từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô đã giúp nền kinh tế cuối năm ổn định hơn. Lạm phát theo năm đã giảm về mức 18,13% từ mức đỉnh 23,02% và thị trường ngoại hối không có những biến động trong những tháng cuối năm. Điểm sáng nhất của năm là xuất khẩu tăng trưởng 33,3% và thâm hụt thương mại giảm mạnh từ mức 12,5 tỷ USD trong năm 2010 xuống còn 9,5 tỷ USD trong năm 2011.

Chưa có một năm nào khó khăn như năm 2011, nhiều chuyên gia đánh giá năm này còn là năm khốc liệt nhất kể từ năm 1990 khi Việt Nam mở cửa nền Kinh tế. Chính sách tiền tệ nới lỏng các năm về trước là nguyên nhân gây ra hậu quả mà năm 2011 phải gánh chịu. Chính sách thắt chặt tiền đột ngột không chỉ khiến cho toàn bộ nền kinh tế ngưng trệ mà nhiều Doanh nghiệp lâm vào tình trạng buộc phải cắt giảm nhân viên. Ngành Chứng khoán và Bất động sản là nhóm chịu tác động mạnh nhất. Lĩnh vực bất động sản đã nhìn thấy rõ xu hướng thoái trào, nhiều dự án đình trệ, doanh nghiệp không bán được sản phẩm khiến chi phí tăng cao.

Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng bắt đầu lộ ra những điểm yếu, nợ xấu gia tăng khiến thanh khoản của cả hệ thống gặp khó khăn. Nhóm ngành Chứng khoán cũng đứng trước những thách thức về tài chính, nhiều Công ty do cung cấp dịch vụ đòn bẩy không hiệu quả dẫn đến mất vốn, tranh cãi và kiện tụng đã khiến cho nhà đầu tư nản lòng, mất niềm tin, nhiều Công ty chứng khoán phải đóng cửa. FLC cũng không tránh khỏi tác động tiêu cực từ các biến cố kinh tế vĩ mô cũng như các chính sách thắt chặt. Vì vậy, ngay trong năm 2011 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hạn chế danh mục đầu tư, thoái vốn có lựa chọn trong danh mục tự doanh, hạn chế các hoạt động cho vay tài

chính,... nhằm bảo toàn đồng vốn của các cổ đông. Định hướng của FLCS là trụ vững một cách lành mạnh qua cơn bão tài chính này để chào đón cơ hội sau khi khủng hoảng qua đi.

Có thể nói rằng đây cũng là hướng đi của rất nhiều Công ty Chứng khoán trong năm 2011, bởi họ cũng hiểu rõ rằng, chỉ có thể tồn tại qua thời kỳ khó khăn thì mới có thể tính đến sự phát triển vững bền trong tương lai.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011

STT	Nội dung	2010	2011	% Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	95,809,801,322	112,624,904,929	18%
2	Tổng chi phí	95,390,567,908	111,601,540,656	17%
3	Lợi nhuận sau thuế	387,734,433	736,587,273	90%
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	29	55	90%

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế năm 2011, thị trường chứng khoán giảm điểm, giá trị giao dịch giảm sút đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, qua lĩnh vực đầu tư Bất động sản, FLCS đã có được thu nhập khác gần 103 tỷ VNĐ làm lợi nhuận sau thuế cũng tăng gần 90% so với năm 2010.

2.2.2 Tình hình thực hiện kinh doanh so với kế hoạch

STT	Nội dung	Kế hoạch đặt ra 2011 (VNĐ)	Thực tế thực hiện 2011 (VNĐ)	% Thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	100,600,291,388	112,624,904,929	112%
2	Tổng chi phí	70,420,203,972	111,601,540,656	158%
3	Lợi nhuận sau thuế	22,635,065,562	736,587,273	3%

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và đặc biệt là các Công ty chứng khoán nói riêng. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc đã chủ trương thận trọng trong hoạt động tự doanh, và các dịch vụ hỗ trợ tài chính. Nếu như không ít các Công ty chứng khoán báo cáo kết quả kinh doanh với khoản lỗ lớn hàng tỷ đồng thì FLCS có thể coi là đã trụ được trong cơn bão tố, lợi nhuận đạt 736 triệu VNĐ, cao hơn so với năm 2010.

Có được kết quả trên là nhờ FLCS đã nhạy bén cắt giảm mạnh các khoản chi phí không hợp lý, dừng các hoạt động kinh doanh dịch vụ có độ rủi ro cao và thu hồi các khoản phải thu đến hạn. Khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán đã giảm từ 43,6 tỷ VNĐ vào đầu năm 2011 xuống còn 30,9 tỷ VNĐ vào cuối năm 2011.

2.2.3 Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

❖ Triển vọng thị trường năm 2012

- Giảm lãi suất- tín hiệu tích cực cho nền kinh tế:

Cuối quý I/2012, Ngân hàng nhà nước đã ban hành QĐ 693/QĐ - NHNN về việc giảm mức trần lãi huy động, lãi suất chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn. Như vậy, chỉ trong gần 1 tháng, NHNN đã giảm lãi suất trần huy động đã giảm hai lần, dấu hiệu tích cực cho việc nới lỏng tín dụng tạo đà cho nền kinh tế phát triển.

- Thị trường chứng khoán: trở nên sôi động hơn trong năm 2012.

Lạm phát và lãi suất đang giảm dần, các nhà đầu tư đã và đang dần chuyển luồng vốn đầu tư từ các kênh khác vào thị trường chứng khoán.

Hơn nữa, Các cơ quan ban ngành như UBCK, các Sở GD&ĐT đang không ngừng cải thiện tính hiệu quả của thị trường thông qua việc ban hành các luật mới giúp quản lý thị trường hiệu quả hơn.

- Tái cấu trúc nền kinh tế: Năm 2012 sẽ có những thay đổi đáng kể trong hệ thống kinh tế khi yêu cầu về nâng cao tính hiệu quả của nền kinh tế đang trở nên cấp bách. Tái cấu trúc nền kinh tế thông qua việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tăng hiệu quả đầu tư công. Trước mắt, đây chính là cơ hội để FLCS mở rộng phát triển hoạt động tư vấn chính doanh nghiệp. Trong dài hạn, sự thay đổi này sẽ giúp nâng cao hiệu quả của nền kinh tế trong dài hạn, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán.

❖ Định hướng kế hoạch kinh doanh trong năm tới

- Là một trong những Công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường chứng khoán, FLCS tiếp tục tận dụng những lợi thế sẵn có, nỗ lực mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như nâng tầm vị thế của mình trong mắt khách hàng.
- Để đạt được sự phát triển an toàn – linh hoạt – hiệu quả, FLCS đã đang và sẽ tiếp tục tìm kiếm, bồi dưỡng đào tạo các đội ngũ nhân viên, thu hút bổ sung các chuyên gia, nhân sự cấp cao nhiều kinh nghiệm.
- Đặc biệt tập trung vào các hoạt động cốt lõi. Cụ thể như sau:
 - Hoạt động môi giới: Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới, đặc biệt là giao dịch điện tử. Nâng cấp hệ thống core, webtrading,...

- Hoạt động tự doanh: Đón đầu sự phát triển của thị trường chứng khoán trong cuối năm 2012, FLCS có chiến lược phát triển tự doanh với tiêu chí an toàn hiệu quả, Nâng cao chất lượng phân tích, nghiên cứu để quản trị rủi ro, chọn danh mục đầu tư phù hợp.
- Hoạt động nghiên cứu và phân tích: Tập trung đẩy mạnh thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng các báo cáo phân tích, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động môi giới và tự doanh.
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp: Nhận định thị trường 2012 với nhiều thương vụ như tái cơ cấu DNNN, niêm yết, phát hành... FLCS có chiến lược tận dụng các mối quan hệ trong tập đoàn, cũng như nâng cao chất lượng tư vấn tài chính doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ chuyên viên tư vấn chuyên nghiệp, uy tín.





FLCSECURITIES

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 – Báo cáo tình hình tài chính*
- 2 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 3 – Những tiến bộ Công ty đã đạt được*
- 4 – Kế hoạch phát triển năm 2012*



3.1. Báo cáo tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị	2010	2011
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		3,24%	2,03%
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		96,76%	97,97%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả / Tổng tài sản		32,84%	31,76%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản		67,16%	68,24%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2,85	3,07
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,95	3,08
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)		0,19%	0,37%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần		0,40%	7,81%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)		0,28%	0,54%
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu = VCSH / (Số CP đã phát hành - CP quỹ)	VND	10.104	10.151

Phân tích các chỉ tiêu

Khả năng thanh toán

Là công ty đóng vai trò như một trung gian tài chính, FLCS có các chỉ số về khả năng thanh toán tương đối tốt. Chỉ tiêu thanh toán năm 2011 không biến động nhiều so với năm 2010 vẫn đảm bảo trong ngưỡng an toàn.

Tỷ suất lợi nhuận

Chỉ số ROA năm 2011 tăng từ 0,19% lên 0,37% do lợi nhuận sau thuế tăng 89,97% so với năm 2010.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 0,40% lên 7,81%. Do lợi nhuận sau thuế tăng mạnh trong khi doanh thu thuần lại giảm 90,15% nên chỉ tiêu này tăng 7,4% so với năm 2010. Điều này chủ yếu do thị trường chứng khoán ảm đạm làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty nên doanh thu thuần giảm nhiều so với năm 2010, khoản thu nhập khác đã làm tăng lợi nhuận sau thuế cho công ty.

Chỉ số ROE năm 2011 tăng do lợi nhuận sau thuế tăng. Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 4,36%.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 tăng nhẹ so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010.

Những thay đổi về cổ đông

Tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Artex với sự góp vốn của hai cổ đông chiến lược là Công ty CP Sông Đà 9 (*nắm giữ 27,04% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty*) và Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ (ARTEXPORT) (*nắm giữ 14,07% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty*).

Bước sang năm 2011, Công ty CP Chứng khoán Artex nay đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán FLC đã gia nhập vào Tập đoàn FLC và trở thành 1 trong số 11 Công ty liên kết của tập đoàn này. Tính tới thời điểm 01/02/2012, Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 37,45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của FLCS.

Thông tin về cổ đông chi tiết được trình bày tại mục “Thông tin về cổ đông và quản trị Công ty”

Đôi nét về CTCP Tập đoàn FLC

Được cổ phần hóa năm 2008, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là sự kết hợp hiệu quả của các đối tác mạnh, đầy tiềm năng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản và tài chính.

Sự ra đời của FLC là tâm huyết và nỗ lực hết mình của các cổ đông sáng lập và thành viên hội đồng quản trị, với quyết tâm xây dựng một công ty Việt mang đẳng cấp quốc tế. Bước đi ban đầu là sàn giao dịch bất động sản, tư vấn đầu tư, và tư vấn tài chính doanh nghiệp, hiện FLC đang bắt đầu triển khai hoạt động đầu tư vào lĩnh vực bất động sản.

Định hướng phát triển của FLC là trở thành một công ty mạnh và năng động, lấy hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính và khai thác khoáng sản làm trọng điểm. Để thực hiện được mục tiêu này, FLC đã và đang tập trung đầu tư vào các cơ hội tăng trưởng đa dạng, tận dụng lợi thế và sức mạnh của các đơn vị thành viên; tạo nguồn cung cổ phiếu chất lượng cao cho thị trường chứng khoán; kết nối với các nhà đầu tư nước ngoài để tăng cường và đa dạng hoá năng lực; cung cấp các dịch vụ hoàn hảo, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước; phát triển nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng một môi trường làm việc năng động với những cơ hội phát triển cho từng cá nhân; hoàn thiện các sản phẩm - dịch vụ cũng như đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, kinh nghiệm, đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Song song với việc hoạt động và phát triển vị thế tại thị trường nội địa, FLC sẽ hướng tới thị trường quốc tế và đặt mục tiêu xây dựng mối quan hệ, hợp tác bền vững với các đối tác nước ngoài.

Động lực của FLC là phát huy yếu tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm, doanh nghiệp làm môi trường để con người phát huy tài năng sáng tạo, xây dựng và đào tạo đội ngũ làm việc có hiệu quả, khẳng định phong cách văn hoá doanh nghiệp FLC, nỗ lực xây dựng FLC trở thành một tập đoàn lớn và chủ đạo trên thị trường trong nước và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Cổ tức lợi nhuận được chia

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của FLCS tại thời điểm 31/12/2011 là 13.500.000 cổ phiếu

Năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty là 387,734,433 VNĐ. Với chiến lược mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh nên FLCS giữ lại số lợi nhuận này thay vì chi trả cổ tức trong năm 2011.

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

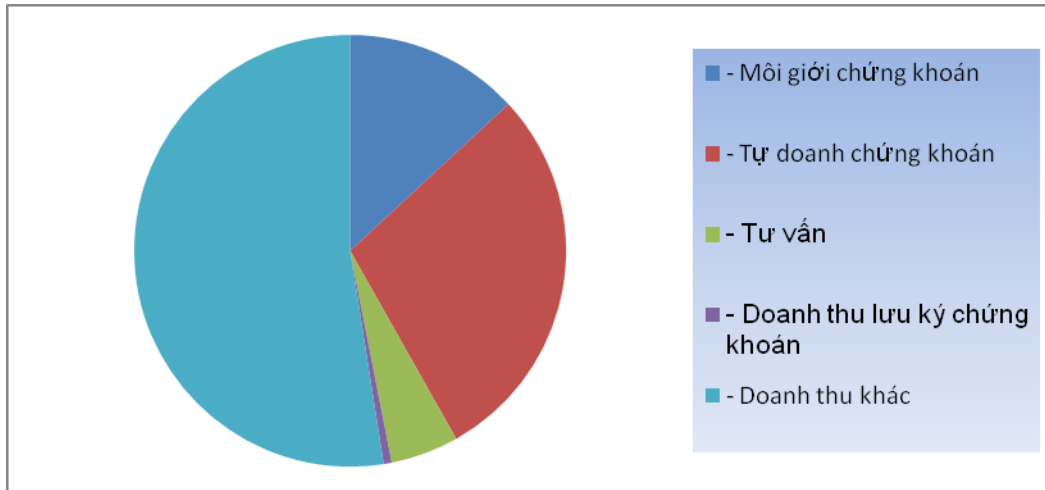
STT	Chỉ tiêu	2010	2011
1	Chỉ tiêu doanh thu	95,809,801,322	9,435,814,020
	- Môi giới chứng khoán	14,196,660,523	1,236,493,517
	- Tự doanh chứng khoán	60,845,310,833	2,710,126,407
	- Tư vấn	1,047,250,910	480,000,000
	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	0	56,971,823
	- Doanh thu khác	19,720,579,056	4,952,222,273
2	Chỉ tiêu chi phí	95,390,567,908	111,601,540,656
	- Chi phí cho hoạt động kinh doanh	76,230,641,533	34,195,968,602
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,159,926,375	77,405,572,054
3	Thu nhập khác	0	102,902,313,909
4	Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế	419,233,414	736,587,273
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	31,498,981	
5	Lợi nhuận sau thuế	387,734,433	736,587,273
6	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	29	55



Cơ cấu doanh thu:

Cũng như đa phần các CTCK khác, tự doanh và môi giới là 2 hoạt động đóng góp lớn nhất vào doanh thu của FLC. Cơ cấu danh mục đầu tư tự doanh của FLC tương đối linh hoạt với một cơ chế phân bổ rủi ro hợp lý và an toàn. Năm 2011, do TTCK sụt giảm và cạnh tranh thị phần khốc liệt giữa các công ty chứng khoán, doanh thu từ hoạt động môi giới giảm mạnh cả về doanh số và tỷ trọng, chỉ còn chiếm 13,1% tổng doanh thu.

Hoạt động tự doanh của công ty trong giai đoạn này đã tăng 4% chiếm 5,09% tổng doanh thu. Tuy nhiên do khó khăn chung của thị trường chứng khoán cũng như hoạt động kinh doanh của công ty giảm mạnh nên doanh thu thuần năm 2011 đã giảm 90,15% so với năm 2010.

Cơ cấu Doanh thu và chi phí:

Cơ cấu doanh thu 2011

Năm 2011 là một năm sóng gió của thị trường chứng khoán Việt Nam với rất nhiều khó khăn đến từ nội tại nền kinh tế làm tăng chi phí hoạt động của các công ty chứng khoán. Chi phí cho hoạt động kinh doanh của FLCS đã không có nhiều thay đổi so với năm 2010. Năm 2010 tổng chi phí chiếm 99,56% tổng doanh thu, năm 2011 tổng chi phí chiếm 99,35% tổng doanh thu. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của các công ty chứng khoán nói riêng, FLCS đã chủ động cơ cấu lại nguồn nhân lực và nhiều hoạt động khác để tiết kiệm chi phí tối đa.

3.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Hoạt động phân tích

Cuối năm 2011, hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư của FLCS đã được nâng cao chất lượng, đồng thời tăng cường tư vấn đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Truyền hình Kinh tế tài chính VITV, InfoTV; Truyền hình kỹ thuật số VTC10, Truyền thanh VOV 100Mhz, Hãng tin Reuters.... góp phần tạo dựng hình ảnh và thương hiệu FLCS trên thị trường trong nước và thế giới.

Phát triển hệ thống Công nghệ thông tin

Trong năm 2011, FLCS đã đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp chất lượng hệ thống thông tin. Ngoài việc nâng cao các tính năng phục vụ nhà đầu tư như tăng cường tính bảo mật khi đặt lệnh, nâng cao tốc độ xử lý lệnh, chuyển tiền trực tuyến,... FLCS còn tự xây dựng phần mềm quản lý rủi ro, kiểm soát các giao dịch, các hoạt động hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư.

3.4 Kế hoạch phát triển năm 2012

Sau giai đoạn lạm phát tăng mạnh và thắt chặt tiền tệ thời kỳ 2008, 2010 và 2011, tốc độ phát triển kinh tế của Việt nam bị suy giảm đáng kể. Đồng thời với 2 lần lạm phát mạnh liên tiếp cách nhau 3 năm, sức cầu trung bình của các hộ gia đình giảm đi rất nhiều. Chính điều này sẽ làm

chậm lại quá trình hồi phục của kinh tế vĩ mô cũng như sức khỏe các doanh nghiệp nói chung trong 2012 và 2013.

Tình hình kinh tế năm 2012 còn khó khăn nhưng đang bắt đầu mở ra những cơ hội do lãi suất đã bắt đầu xu hướng hạ dần. Để có được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2012, FLCS chủ trương thực hiện một cách đồng bộ những chiến lược kinh doanh linh hoạt trong giai đoạn mới:

1. **Chiến lược công nghệ:** FLCS đang sở hữu một hệ thống công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và vẫn từng bước nâng cấp phát triển hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, đáp ứng nhu cầu mới của thị trường, đảm bảo cung cấp các công cụ hữu hiệu cho các hoạt động giao dịch - bao gồm giao dịch trực tuyến, phần mềm quản lý tài sản, quản lý rủi ro, v.v...
2. **Chiến lược khách hàng:** Giữ vững những khách hàng truyền thống, phát triển phân khúc khách hàng giao dịch từ xa qua Internet; Chúng tôi xác định việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ giao dịch từ xa sẽ là cơ hội để tăng trưởng thị phần.
3. **Chiến lược tư vấn:** Đẩy mạnh chất lượng phục vụ khách hàng qua Tư vấn đầu tư chứng khoán; Chủ động xúc tiến mở rộng thị phần Tư vấn Niêm yết phục Doanh nghiệp để đón đầu thời kỳ nền kinh tế hồi phục vào nửa cuối 2012.
4. **Chiến lược đầu tư:** Đẩy mạnh nhân sự bộ phận đầu tư nhằm đón đầu thời kỳ hồi phục của nền kinh tế Vĩ mô. Chúng tôi xác định đây là lĩnh vực kinh doanh tiềm năng nhất trong năm nay và 2013 và là cơ hội giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012 có được kết quả khả quan.
5. **Chiến lược nhân sự:** Phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp nhằm giữ vững những nhân sự quan trọng trong giai đoạn khó khăn và bắt đầu phát triển trở lại nguồn nhân sự mới cho giai đoạn kế tiếp.



FLCSECURITIES

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008, Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/07/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2011 và Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng 13.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Môi giới chứng khoán;

Tự doanh chứng khoán;

Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận về việc thay đổi trụ sở chính Công ty là: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, Khu A, Thôn Phú Mỹ, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT	(miễn nhiệm ngày 30/12/2011)
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT	(bổ nhiệm ngày 30/12/2011)
Ông Dương Kim Ngọc	Ủy viên	
Ông Đường Ngọc Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Huy	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 30/06/2011)
Ông Dương Quang Trung	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01/07/2011 và miễn nhiệm ngày 16/11/2011)
Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16/11/2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC phê duyệt Báo cáo tài chính cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Doãn Văn Phương

(Đã ký)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Phạm Đức Thắng

(Đã ký)

Tổng Giám đốc

Số : 008/2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC

Kính gửi : CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo..

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lại Văn Hùng*(Đã ký)***Phó Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0907/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA - IAFC*Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2012*

Trần Ngọc Linh*(Đã ký)***Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0759/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.733.909.059	196.506.588.581
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.993.385.383	21.573.295.638
1. Tiền	111	3	14.993.385.383	21.573.295.638
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	9.977.230.000	47.900.264.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.253.669.713	55.694.168.294
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(276.439.713)	(7.793.903.494)
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	171.087.627.723	120.598.762.097
1. Phải thu khách hàng	131		165.139.331.484	70.254.260.000
2. Trả trước cho người bán	132		33.497.377.700	1.160.073.849
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		30.907.599.351	49.123.956.173
4. Các khoản phải thu khác	138		2.864.189.459	60.472.075
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	14	(61.320.870.271)	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		675.665.953	6.434.266.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.475.313	42.716.997
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		635.190.640	6.391.549.049
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.079.828.427	6.586.927.008
I- Tài sản cố định	220		1.563.984.699	5.021.287.193
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	756.875.299	3.374.180.645
- Nguyên giá	222		10.471.608.281	11.776.224.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.714.732.982)	(8.402.044.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	807.109.400	1.647.106.548
- Nguyên giá	228		3.963.125.948	3.802.793.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.156.016.548)	(2.155.687.000)
II- Tài sản dài hạn khác	260		2.515.843.728	1.565.639.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	706.625.047	413.159.642
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	9	1.809.218.681	1.152.480.173
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		200.813.737.486	203.093.515.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		63.780.731.276	66.685.996.652
I- Nợ ngắn hạn	310		63.780.731.276	66.685.996.652
2. Phải trả người bán	312		156.114.722	378.511.000
3. Người mua trả tiền trước	313		313.700.000	358.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	54.493.870	357.417.944
5. Phải trả người lao động	315		147.583.064	515.221.611
6. Chi phí phải trả	316	11	12.674.167.193	329.242.385
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	19.892.810.873	10.938.161.150
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	156.257.600
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	30.138.801.021	53.249.424.429
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.033.006.210	136.407.518.937
I- Vốn chủ sở hữu	410		137.033.006.210	136.407.518.937
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		509.892.252	509.892.252
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		509.892.252	509.892.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.013.221.706	387.734.433
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.813.737.486	203.093.515.589

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
6. Chứng khoán lưu ký	006		337.592.640.000	253.683.830.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		270.204.630.000	161.148.390.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		1.091.510.000	22.140.750.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		269.113.120.000	139.007.640.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		47.050.000.000	43.584.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		47.050.000.000	43.584.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		947.300.000	2.778.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		947.300.000	2.778.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		19.390.710.000	46.173.440.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		20.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		19.390.690.000	46.173.440.000

Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc (Đã ký)
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương
Kế toán trưởng (Đã ký)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu	01		9.435.814.020	95.809.801.322
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>01.1</i>		<i>1.236.493.517</i>	<i>14.196.660.523</i>
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn</i>	<i>01.2</i>		<i>2.710.126.407</i>	<i>60.845.310.833</i>
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	<i>01.5</i>		<i>480.000.000</i>	<i>1.047.250.910</i>
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	<i>01.6</i>		<i>56.971.823</i>	-
<i>Doanh thu khác</i>	<i>01.9</i>		<i>4.952.222.273</i>	<i>19.720.579.056</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		9.435.814.020	95.809.801.322
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		34.195.968.602	76.230.641.533
<i>Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>			<i>41.713.432.383</i>	<i>54.230.571.534</i>
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán</i>			<i>(7.517.463.781)</i>	<i>22.000.069.999</i>
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(24.760.154.582)	19.579.159.789
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		77.405.572.054	19.159.926.375
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(102.165.726.636)	419.233.414
8. Thu nhập khác	31		103.189.090.909	-
9. Chi phí khác	32		286.777.000	-
10. Lợi nhuận khác	40		102.902.313.909	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		736.587.273	419.233.414
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	-	31.498.981
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		736.587.273	387.734.433
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		55	29

Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc (Đã ký)

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương
Kế toán trưởng (Đã ký)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	22.034.104.053	65.237.351.544
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(50.295.565.160)	(29.332.566.874)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(504.146.066)	(930.054.808)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	720.067.213.213	10.417.891.625.487
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(659.539.937.514)	(10.420.184.986.082)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(114.400.000)	
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(6.713.006.474)	(56.118.708.867)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.832.604.292)	(7.259.855.220)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(31.498.981)	(2.330.256.870)
12. Tiền thu khác	14	41.277.751.436	1.795.945.341.937
13. Tiền chi khác	15	(68.468.258.256)	(1.783.274.947.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.120.348.041)	(20.357.057.133)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(384.374.436)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	358.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	566.812.222	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	540.437.786	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		62.700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(66.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.579.910.255)	(23.957.057.133)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.573.295.638	45.530.352.771
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.993.385.383	21.573.295.638

Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Vương
Kế toán trưởng
(Đã ký)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000					135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vô cổ phần							-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	509.892.252	509.892.252	-	-	-	509.892.252	509.892.252
- Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ		509.892.252	509.892.252				509.892.252	509.892.252
4. Cổ phiếu quỹ (*)							-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản							-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái							-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển							-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		509.892.252	509.892.252				509.892.252	509.892.252
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	10.197.845.037	387.734.433	387.734.433	10.197.845.037	736.587.273	111.100.000	387.734.433	1.013.221.706
- LN chưa phân phối năm trước	10.197.845.037	387.734.433		10.197.845.037			-	387.734.433
- LN chưa phân phối năm nay			387.734.433		736.587.273	111.100.000	387.734.433	625.487.273
Cộng	145.197.845.037	136.407.518.937	1.407.518.937	10.197.845.037	736.587.273	111.100.000	136.407.518.937	137.033.006.210

Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc (Đã ký)

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng (Đã ký)

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác thực hiện dưới hình thức ủy thác đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần OTC Việt Nam.
- Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng ủy thác đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, phải thu về ủy thác quản lý vốn, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, theo đó:

- Đối với các khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán được Ban Tổng giám đốc thận trọng đánh giá là khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ khó đòi với tổng giá trị dự phòng đã trích lập tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 30.272.740.271 đồng.
- Đối với khoản phải thu 62.096.260.000 đồng tiền bán cổ phiếu OTC từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đại Dương, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo mức 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu, giá trị dự phòng đã trích lập là 31.048.130.000 đồng.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng
Máy móc, thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty

nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

FLC Securities

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	315.539.357	8.058.589.402
Tiền gửi ngân hàng	14.209.754.364	11.971.517.106
Trong đó		
<i>Tiền ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	<i>12.358.812.028</i>	<i>3.194.846.150</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	468.091.662	1.543.189.130
Cộng	14.993.385.383	21.573.295.638

GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
		VND
a) Cửa công ty chứng khoán	2.676.910	32.143.249.000
- Cổ phiếu	2.676.910	32.143.249.000
b) Cửa nhà đầu tư	42.585.920	573.642.828.000
- Cổ phiếu	42.585.920	573.642.828.000
Cộng	45.262.830	605.786.077.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ	
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ			
I. Chứng khoán thương mại											
II. Chứng khoán đầu tư	139.501	2.239.254	2.253.669.713	55.694.168.294			276.439.713	7.793.903.494	1.977.230.000	47.900.264.800	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán											
- Cổ phiếu	139.501	2.239.254	2.253.669.713	55.694.168.294			276.439.713	7.793.903.494	1.977.230.000	47.900.264.800	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn											
III. Đầu tư góp vốn											
IV. Đầu tư tài chính khác			8.000.000.000	-					8.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG			10.253.669.713	55.694.168.294			276.439.713	7.793.903.494	9.977.230.000	47.900.264.800	

5. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Tăng	Giảm				
1. Phải thu của khách hàng	70.254.260.000	103.813.325.920	8.928.254.436	165.139.331.484		62.096.260.000	31.048.130.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	49.123.956.173	237.332.625.063	255.548.981.885	30.907.599.351		30.904.291.354	30.272.740.271
- Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	43.599.198.173	115.689.987.063	128.381.585.885	30.907.599.351		30.904.291.354	30.272.740.271
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	5.524.758.000	121.642.638.000	127.167.396.000	-			
3. Phải thu khác	60.472.075	13.977.932.840	11.174.215.456	2.864.189.459			
Tổng cộng	119.438.688.248	355.123.883.823	275.651.451.777	198.911.120.294			61.320.870.271

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, theo đó:

- Đối với các khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán được Ban Tổng giám đốc thận trọng đánh giá là khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ khó đòi với tổng giá trị dự phòng đã trích lập tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 30.272.740.271 đồng.
- Đối với khoản phải thu 62.096.260.000 đồng tiền bán cổ phiếu OTC từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đại Dương, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo mức 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu, giá trị dự phòng đã trích lập là 31.048.130.000 đồng.

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2011	9.339.024.933	2.150.277.300	286.922.412	11.776.224.645
Tăng trong năm	191.444.136	-	32.597.900	224.042.036
Mua trong năm	191.444.136		32.597.900	224.042.036
Giảm trong năm	477.338.400	1.051.320.000	-	1.528.658.400
Thanh lý, nhượng bán	477.338.400	1.051.320.000	-	1.528.658.400
Số dư tại 31/12/2011	9.053.130.669	1.098.957.300	319.520.312	10.471.608.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2011	6.965.935.000	1.201.077.000	235.032.000	8.402.044.000
Tăng trong năm	2.108.945.850	395.012.000	50.612.532	2.554.570.382
Khấu hao trong năm	2.108.945.850	395.012.000	50.612.532	2.554.570.382
Giảm trong năm	477.338.400	764.543.000	-	1.241.881.400
Thanh lý, nhượng bán	477.338.400	764.543.000		1.241.881.400
Số dư tại 31/12/2011	8.597.542.450	831.546.000	285.644.532	9.714.732.982
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2011	2.373.089.933	949.200.300	51.890.412	3.374.180.645
Tại 31/12/2011	455.588.219	267.411.300	33.875.780	756.875.299
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				7.314.645.982

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	2.438.011.000	1.364.782.548	3.802.793.548
Tăng trong năm	160.332.400	-	160.332.400
Mua trong năm	160.332.400		160.332.400
Số dư tại 31/12/2011	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	955.198.000	1.200.489.000	2.155.687.000
Tăng trong năm	836.036.000	164.293.548	1.000.329.548
Khấu hao trong năm	836.036.000	164.293.548	1.000.329.548
Số dư tại 31/12/2011	1.791.234.000	1.364.782.548	3.156.016.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2011	1.482.813.000	164.293.548	1.647.106.548
Số dư tại 31/12/2011	807.109.400	-	807.109.400

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	706.625.047	413.159.642
Cộng	706.625.047	413.159.642

9. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu:	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung:	1.476.072.465	971.926.399
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ:	213.146.216	60.553.774
Cộng	1.809.218.681	1.152.480.173

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.545.454	189.435.142
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	31.498.981
Thuế thu nhập cá nhân	49.948.416	136.483.821
Cộng	54.493.870	357.417.944

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
<i>Chi phí phải trả cho hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Bà Phạm Thị Thành Thủy (*)</i>	<i>12.443.125.000</i>	
<i>Chi phí phải trả khác</i>	<i>231.042.193</i>	<i>329.242.385</i>
Cộng	12.674.167.193	329.242.385

(*)

Chi phí liên quan đến Hợp đồng Ủy thác Quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 29/09/2010 và phụ lục số 01 ngày 21/12/2010 với Bên ủy Thác là Bà Phạm Thị Thành Thủy có số dư đến 31/12/2011 là 30.000.000.000 đồng.

12. PHẢI TRẢ GIAO DỊCH HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	19.892.810.873	2.218.557.000
Phải trả tổ chức, các nhân khác		8.719.604.150
Cộng	19.892.810.873	10.938.161.150

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.318.459	71.688.229
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<i>Phạm Thị Thành Thủy (*)</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước</i>		<i>3.177.607.200</i>
<i>Khác</i>	<i>53.482.562</i>	<i>129.000</i>
Cộng	30.138.801.021	53.249.424.429

(*) Hợp đồng Ủy thác Quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 29/09/2010 và phụ lục số 01 ngày 21/12/2010 với Bên ủy Thác là Bà Phạm Thị Thành Thủy.

14. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Số dư đầu kỳ		
- Số sử dụng trong kỳ		
- Số trích lập trong kỳ	61.320.870.271	
- Số dư cuối kỳ	61.320.870.271	-

15. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	31.498.981
Cộng	-	31.498.981

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	736.587.273	419.233.414
+ Các khoản điều chỉnh tăng	280.000.000	641.111.111
- <i>Thù lao HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành</i>	280.000.000	641.111.111
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2.195.403.100	934.348.600
- <i>Cổ tức được chia</i>	2.195.403.100	934.348.600
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.178.815.827)	125.995.925
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		31.498.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	31.498.981

16. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược;	12.363.619.497	5.413.403.150
- Các khoản khác.	45.000	3.177.607.200
Cộng	12.363.664.497	8.591.010.350

17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành: Không có.
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không có.
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập		
Chi phí		
Phạt vi phạm hành chính	111.100.000	
Lãi (Lỗ)	(111.100.000)	-

18. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập khác

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011
Công ty Cổ phần FLC Land	Phó GD Công ty là CT HĐQT Công ty Chứng khoán FLC	Phạt do vi phạm hợp đồng số 59/HĐCN-FLC LANDMARK TOWER	102.500.000.000
Công ty CP tập đoàn FLC	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu bán thanh lý xe	681.818.182
Cộng			103.181.818.182

Số dư với bên Liên quan tại ngày 31/12/2011

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	31/12/2011 VND
		Phải thu	Ứng trước
Công ty Cổ phần FLC Land	Phó GD Công ty là CT HĐQT Công ty Chứng khoán FLC	102.500.000.000	33.300.000.000
Công ty CP tập đoàn FLC	Cùng thuộc tập đoàn	400.000.000	
Cộng		102.900.000.000	33.300.000.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với công ty chứng khoán.

3. Các thông tin khác

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng số 59/HĐCN-FLC LANDMARK TOWER ngày 25/11/2011 với Công ty cổ phần FLC Land về việc chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 5.400 m² văn phòng tại Tầng 3, 4 và 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, Khu A, Thôn Phú Mỹ, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội. Tổng giá trị chuyển nhượng là 35.100.000.000 đồng. Đến ngày 21/12/2011 Công ty

cổ phần Chứng khoán FLC đã ứng trước cho Công ty cổ phần FLC Land với tổng số tiền là 33.300.000.000 đồng. Căn cứ theo điều 6 của Hợp đồng thì Công ty Cổ phần FLC Land phải bàn giao diện tích văn phòng cho Công ty Cổ phần chứng khoán FLC chậm nhất đến ngày 26/12/2011. Tuy nhiên, theo giải trình của Công ty Cổ phần FLC Land do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan nên FLC Land thừa nhận đã không thể bàn giao văn phòng cho Công ty Chứng khoán FLC theo đúng hợp đồng. Công ty Cổ phần FLC Land đã gia hạn bàn giao nhưng vẫn không thể thực hiện được và chấp thuận cũng như cam kết thanh toán đầy đủ tiền phạt vi phạm số tiền là 102.500.000.000 đồng theo Công văn số 135/CV-FLCL ngày 28/12/2011. Đồng thời, Công ty cổ phần FLC Land cam kết không có vướng mắc, khiếu nại hay tranh chấp gì đối với hợp đồng trên theo Biên bản làm việc số 01/BB-FLCS ngày 04/01/2012 giữa hai công ty. Khoản phạt hợp đồng này đang được Công ty cổ phần Chứng khoán FLC hạch toán vào thu nhập khác trong năm 2011.

Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc (Đã ký)

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng (Đã ký)

FLC Securities



FLCSECURITIES

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1 – Cơ cấu tổ chức của Công ty

2 – Chính sách đối với người lao động

3 – Thay đổi nhân sự



1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán FLCS được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:



2. Chính sách đối với người lao động

Tính đến 31 tháng 12 năm 2011, tổng số lao động của Công ty cổ phần chứng khoán FLC là 28 người trong đó 96% có trình độ đại học và trên đại học. Mỗi cán bộ, nhân viên làm việc tại FLC đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chính sách lương thưởng của FLC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và mức độ đóng góp của từng cá nhân.

Công ty cũng đề cao công tác đào tạo để đáp ứng nhu cầu công việc và phát huy tiềm năng cá nhân. Do đó, tất cả cán bộ, nhân viên của FLC đều qua các chương trình đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo bên ngoài. Duy trì chương trình khám sức khỏe hàng năm cho CBNV trong Công ty.

Công ty cũng đặc biệt quan tâm chăm sóc tinh thần của cán bộ, nhân viên thông qua các hoạt động tập thể (dã ngoại, nghỉ mát, các sự kiện nội bộ, ...), bên cạnh đó duy trì sinh hoạt tập thể, công tác hiếu, hỉ để làm tăng sự gắn kết của cả tập thể.

3. Thay đổi nhân sự

Thay đổi trong cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ngày 30/12/2011, Ông Doãn Văn Phương – Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay Ông Trịnh Văn Quyết. Do vậy, Hội đồng quản trị FLC kể từ ngày nêu trên có cơ cấu như sau:

- | | |
|---------------------------------|----------------------------|
| 1- Ông Doãn Văn Phương | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2- Ông Trịnh Văn Quyết | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 3- Ông Dương Kim Ngọc | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 4- Ông Đường Ngọc Hà | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 5- Ông Nguyễn Thanh Bình | Ủy viên Hội đồng quản trị |

Lý lịch tóm tắt của Chủ tịch Hội đồng quản trị Doãn Văn Phương

Họ và tên: **DOÃN VĂN PHƯƠNG** Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 03/09/1977
Nơi sinh : Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam
Số chứng minh thư nhân dân : 013171177 ngày cấp 12/03/2009 nơi cấp: CA. Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P706, CT3B, KĐT Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : P706, CT3B, KĐT Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1995-2000	Trường ĐH Luật Hà Nội	Luật Kinh tế
1995 - 2000	Trường ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại
2010-2011	Trường ĐH Griggs	MBA

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/2000-8/2009	Công ty dịch vụ vật tư viễn thông Hà Nội	Phó phòng tổng hợp
9/2009-5/2011	Công ty cổ phần FLC Land	Tổng Giám đốc
1/2010-8/2010	Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	Chủ tịch HĐQT
8/2010-5/2011	Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	Phó Chủ tịch HĐQT
5/2011-nay	Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thay đổi trong Ban Giám đốc

Ngày 01/07/2011, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Dương Quang Trung làm Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán FLC thay Ông Trần Quang Huy.

Lý lịch tóm tắt của Tổng Giám Đốc Dương Quang Trung

Ngày tháng năm sinh: 01/09/1975

Nơi sinh: Thành phố Vinh, Nghệ An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND 011789111 do Công an Hà Nội cấp ngày 07/04/2008

Hộ khẩu thường trú: Phòng 408, Nhà G, Khu TT 7,2ha, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP

Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Trình độ văn hóa: Cử nhân

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1992 - 1996	Học viện Tài chính	Kế toán

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/2011 - 06/2011	Công ty CP Chứng khoán FLC	Phó Tổng giám đốc
04/2009 - 03/2011	Công ty CP Chứng khoán Vincom	Phó Tổng giám đốc
04/2008 - 03/2009	Công ty CP Chứng khoán TM&CN Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
12/2006 - 03/2008	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia	Giám đốc tài chính
08/2003 - 11/2006	Công ty CP Đại lý vận tải SAFI	Kế toán tổng hợp
01/2001 - 07/2003	Công ty XNK Thủy sản Hà Nội	Kế toán tổng hợp
12/1997 - 12/2000	Công ty TNHH VIT-METAL	Kế toán tổng hợp

Ngày 16/11/2011, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Phạm Đức Thắng được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán FLC thay Ông Dương Quang Trung.

Lý lịch tóm tắt của Tổng Giám Đốc Phạm Đức Thắng

Ngày tháng năm sinh: 18/06/1968

Nơi sinh: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND 011807020 do Công an Hà Nội cấp ngày 06/02/2006

Hộ khẩu thường trú: 561C Kim Mã, Ba Đình, TP Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học Bách khoa HN, Cử nhân Tài chính Ngân hàng- Đại học Kinh tế quốc dân.

Trình độ văn hóa: Kỹ sư

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1986 - 1993	Trường Đại học Bách khoa	Máy lạnh và thiết bị nhiệt
1995 - 1998	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2010 - 10/2011	Công ty chứng khoán Kenanga Việt Nam	Tổng giám đốc
09/2009 - 06/2010	Công ty chứng khoán SME	Phó Tổng giám đốc
04/2008 - 08/2009	Công ty Chứng khoán Sao Việt	Tổng giám đốc
12/2003 - 04/2008	Công ty Chứng khoán Vietcombank	Giám đốc khối môi giới, quản lý nghiệp vụ môi giới, Marketing, Tư vấn niêm yết, quan hệ công chúng toàn công ty.
09/1998 - 12/2003	Trung tâm nghiên cứu đào tạo- Ủy ban Chứng khoán	Phó trưởng phòng Đào tạo



FLCSECURITIES

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 – Các dữ liệu về thành viên góp vốn*
- 2 – Danh sách thành viên Hội đồng quản trị*
- 3 – Danh sách thành viên Ban Kiểm soát*



4.1. Các dữ liệu về thành viên góp vốn

4.1.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm thành lập Công ty tháng 3/2008:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (SD9) Đại diện quản lý phần vốn góp: Ông Dương Kim Ngọc	3.650.000	27,04%
2	Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam Đại diện quản lý phần vốn góp: Ông Nguyễn Thanh Giang	3.200.000	23,70%
3	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ (Artexport) Đại diện quản lý phần vốn góp: Ông Nguyễn Mạnh Hà	1.900.000	14,07%
4	Ông Đường Ngọc Hà	2.000.000	17,81%
5	Ông Trịnh Văn Quyết	1.000.000	7,41%

4.1.2. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/12/2011:

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ ban đầu	Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2011	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9 Đại diện quản lý phần vốn góp: Ông Dương Kim Ngọc	3.650.000	1.700.250	12,59%
2	Ông Đường Ngọc Hà	2.000.000	2.000.000	14,81%
3	Ông Trịnh Văn Quyết	1.000.000	1.189.000	8,81%
	Tổng cộng	6.650.000	4.889.250	36,21%

4.1.3 Cơ cấu cổ đông của CTCP Chứng khoán FLC tới ngày 01/02/2012:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Lý do tăng, giảm
1	Ông Trịnh Văn Quyết	630.000	4,67%	Tặng cho
2	CTCP Sông Đà 9 Đại diện quản lý phần vốn góp: Ông Dương Kim Ngọc	1.700.250	12,59%	
3	Ông Đường Ngọc Hà	2.000.000	14,81%	
4	Công ty CP Tập đoàn FLC Đại diện quản lý phần vốn góp Nguyễn Tiến Dũng	5.000.000	37,45%	
5	Cổ đông cá nhân khác	4.169.750	30,48 %	
	Tổng cộng	13.500.000	100,00%	

4.1.4. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: **Không có**

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán FLC gồm có :

4.2.1 Ông Doãn Văn Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần đại diện sở hữu	0	Tỷ lệ đại diện sở hữu so với VĐL	0
Số cổ phần cá nhân sở hữu	190.000	Tỷ lệ cá nhân sở hữu so với VĐL	1,41%
Tổng số cổ phần nắm giữ	190.000	Tổng tỷ lệ nắm giữ so với VĐL	1,41%

4.2.2 Ông Trịnh Văn Quyết - Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần đại diện sở hữu	0	Tỷ lệ đại diện sở hữu so với VĐL	0
Số cổ phần cá nhân sở hữu	630.000	Tỷ lệ cá nhân sở hữu so với VĐL	4,67%
Tổng số cổ phần nắm giữ	630.000	Tổng tỷ lệ nắm giữ so với VĐL	4,67%

4.2.3 Ông Dương Kim Ngọc - Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần đại diện sở hữu	1.700.250	Tỷ lệ đại diện sở hữu so với VĐL	12,59%
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0	Tỷ lệ cá nhân sở hữu so với VĐL	0
Tổng số cổ phần nắm giữ	1.700.250	Tổng tỷ lệ nắm giữ so với VĐL	12,59%

4.2.4 Ông Đường Ngọc Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần đại diện sở hữu	0	Tỷ lệ đại diện sở hữu so với VĐL	0
Số cổ phần cá nhân sở hữu	2.000.000	Tỷ lệ cá nhân sở hữu so với VĐL	14,81%
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.000.000	Tổng tỷ lệ nắm giữ so với VĐL	14,81%

4.2.5 Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần đại diện sở hữu	0	Tỷ lệ đại diện sở hữu so với VĐL	0
Số cổ phần cá nhân sở hữu	180.000	Tỷ lệ cá nhân sở hữu so với VĐL	1,33%
Tổng số cổ phần nắm giữ	180.000	Tổng tỷ lệ nắm giữ so với VĐL	1,33%

4.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC gồm có bốn (4) thành viên đã thay đổi sau khi xin ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2010 so với các thành viên được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 cho nhiệm kỳ 2010 – 2014:

- | | |
|---------------------------------|-----------------------|
| 1- Bà Nguyễn Thị Dung | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2- Ông Phan Quang Trường | Ủy viên Ban kiểm soát |
| 3- Ông Lê Đình Vinh | Ủy viên Ban kiểm soát |
| 4- Bà Trần Thị Chung | Ủy viên Ban kiểm soát |

4.4. Thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

4.4.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Lãnh đạo, quản lý trong Công ty;
- Xem xét và đánh giá tình hình tài chính của Công ty, nhu cầu nguồn vốn đối với các sản phẩm tài chính phục vụ khách hàng cũng như các cơ hội đầu tư mới trong năm 2011;
- Thông qua nội dung về Thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc, thay đổi tên và trụ sở Công ty;
- Thông qua việc sử dụng cổ phiếu trong danh mục đầu tư tự doanh thuộc sở hữu của Công ty để thực hiện nhận ủy thác vốn;
- Phê duyệt việc thanh lý tài sản cố định của Công ty;
- Duyệt báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo hoạt động kinh doanh khác;

4.4.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị năm 2011 đối với Tổng Giám đốc:

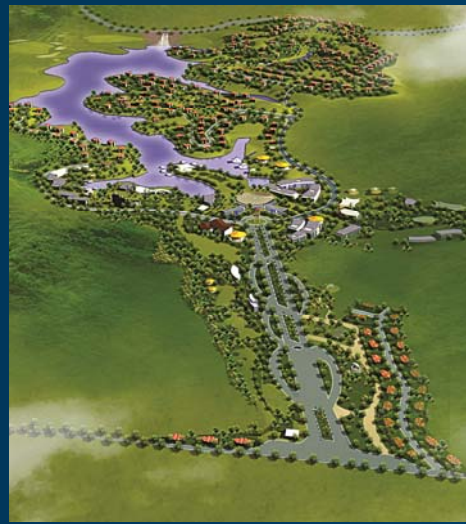
Trong năm 2011, Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được hiệu quả, tuân thủ đúng Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty triển khai thực hiện đúng và hiệu quả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2011.

4.4.3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tư vấn cho HĐQT trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý trước khi chuyển Hội đồng quản trị.

Phối hợp cùng Ban lãnh đạo Công ty giải quyết những vấn đề phát sinh khác theo quy định.

FLC Securities



1. Công ty Luật TNHH SMiC
2. Công ty Cổ phần FLC Media
3. Công ty Cổ phần FLC Golfnet
4. Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC
5. Công ty Cổ phần FLC Land
6. Công ty Cổ phần chứng khoán FLC
7. Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort
8. Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA
9. Công ty TNHH Hải Châu
10. Công ty Cổ phần FLC Travel
11. Công ty Cổ phần FLC Technology

"Chúng tôi cam kết mang lại những lợi ích thiết thực và trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy cho sự thành công của khách hàng."

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

*Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 39.368.368 Fax: (84-4) 39.368.367 Website: www.flcs.com.vn*